

THỰC TRẠNG TÍCH HỢP GIÁO DỤC GIỚI TÍNH - SỨC KHOẺ SINH SẢN VÀ BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI TRÀ VINH

Lê Thị Huỳnh¹ và Nguyễn Thị Hồng Hạnh^{2*}

¹Trường THPT Hoà Lợi, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

²Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt. Vấn đề giáo dục giới tính và bình đẳng giới cho học sinh ở nông thôn, đặc biệt là ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn còn nhiều hạn chế. Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định thực trạng tích hợp giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và vấn đề bình đẳng giới tại một số trường Trung học phổ thông (THPT) tại tỉnh Trà Vinh. Nghiên cứu được thực hiện trên 198 học sinh khối 11 (17 tuổi) được chọn ngẫu nhiên từ 3 trường THPT và 30 giáo viên từ 14 trường THPT trong tỉnh Trà Vinh. Hai bộ câu hỏi điều tra, mỗi bộ gồm 12 câu được thiết kế phù hợp cho học sinh và giáo viên được sử dụng để đánh giá thực trạng tích hợp giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới. Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 16.0. Kết quả của nghiên cứu cho thấy tỉ lệ học sinh đã được học các chủ đề giáo dục giới tính và bình đẳng giới còn thấp, lần lượt là 5,6% và 5,1%. 80,8% học sinh tự đánh giá hiểu biết của mình về sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới còn thấp. Chỉ có 7 giáo viên (chiếm 23,3%) đã tích hợp nội dung giáo dục giới tính và bình đẳng giới trong giảng dạy. Trong khi đó, giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới là vấn đề đang được sự quan tâm của đa số học sinh THPT tại Trà Vinh. 94,4% và 94,9% học sinh rất mong muốn được tìm hiểu về hai chủ đề này. 93,3% ý kiến của giáo viên đồng tình rằng việc tích hợp giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới khi dạy sinh học là cần thiết. Như vậy, thực trạng tích hợp giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới tại một số trường THPT tỉnh Trà Vinh còn chưa thường xuyên trong khi học sinh rất quan tâm đến những chủ đề này nên việc thực hiện tích hợp giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới trong dạy học cho học sinh tại Trà Vinh là cần thiết.

Từ khóa: Tích hợp, giáo dục giới tính, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, Trà Vinh

1. Mở đầu

Học sinh trung học phổ thông (lứa tuổi vị thành niên nói chung) là giai đoạn có sự thay đổi mạnh mẽ về thể chất và tâm sinh lí [1]. Đây cũng là giai đoạn mà những vấn đề liên quan đến sức khỏe sinh sản trở nên đáng lo ngại [2]. Nghiên cứu của Bruce và cộng sự (2003) đã ước tính khoảng 100 triệu cô gái sẽ kết hôn trước 18 tuổi, chiếm một phần ba tổng số các cô gái trong độ tuổi vị thành niên ở các nước đang phát triển [3]. Ở Ấn Độ, 27% thanh thiếu niên nữ đã kết hôn cho rằng họ không được đáp ứng nhu cầu tránh thai. Hơn 35% trong tổng số các trường hợp nhiễm HIV/AIDS được phát hiện ở nhóm tuổi từ 15-24 [4]. Ở Mỹ, theo Finer, tỉ lệ mang thai ngoài ý muốn ở lứa tuổi 15-19 chiếm tới 82% trong tổng số trường hợp mang thai ở độ tuổi này

Ngày nhận bài: 16/8/2019. Ngày sửa bài: 23/8/2019. Ngày nhận đăng: 14/9/2019.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hồng Hạnh. Địa chỉ e-mail: honghanht111@gmail.com

[5]. Ở Việt Nam, theo báo cáo của Vụ Sức khỏe bà mẹ và trẻ em, Bộ Y tế, năm 2015, tỉ lệ mang thai ở tuổi vị thành niên chiếm 2,66% so với tổng số vị thành niên; có 42.354 ca sinh ở độ tuổi này, chiếm 2,53% trong tổng số ca sinh của cả nước; số ca phá thai ở tuổi vị thành niên là 5.548 ca [6].

Bên cạnh đó vấn đề bình đẳng giới ở nước ta hiện nay đang có những tiến triển mạnh mẽ và đúng hướng nhưng còn nhiều vấn đề đang tồn tại [7]. Tư tưởng “trọng nam khinh nữ” vẫn còn ăn sâu trong tiềm thức của một bộ phận không nhỏ dân chúng, định kiến giới vẫn còn tồn tại khá nặng nề trong phân công lao động gia đình và ngoài xã hội như sở thích thích có con trai hơn con gái, coi việc nội trợ, chăm sóc con cái là công việc của phụ nữ [8]. Số thời gian làm việc nội trợ bình quân một ngày của lao động nữ từ 15 tuổi trở lên cao gấp 2,5 lần so với nam giới [9]. Theo *Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam* được Chính phủ Việt Nam và Liên Hợp Quốc công bố năm 2010, cứ ba phụ nữ có gia đình hoặc đã từng có gia đình thì có một người (34%) cho biết họ *đã từng* bị chồng mình bạo hành thể xác hoặc tình dục [10]. Tỉ lệ nữ tham gia vào các vị trí lãnh đạo thấp hơn nhiều so với nam giới [11]. Do đó, giáo dục bình đẳng giới cần được chú trọng trong nhà trường giúp học sinh có quan điểm đúng đắn về vấn đề này.

Do vậy, những kiến thức về giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới cần được tích hợp trong những môn học trong nhà trường, đặc biệt là môn sinh học. Tuy nhiên, việc tích hợp những kiến thức này là không bắt buộc và hoàn toàn phụ thuộc vào ý định của giáo viên nên hiệu quả giáo dục những nội dung này chưa cao.

Trà Vinh là một tỉnh ven biển ở đồng bằng sông Cửu Long, miền Nam Việt Nam. Hiện tại toàn tỉnh Trà Vinh có tổng cộng 35 trường THPT. Trong đó, một số trường thuộc huyện Châu Thành, Càng Long, học sinh còn gặp nhiều khó khăn do nền kinh tế còn chưa phát triển.

Vậy, nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu điều tra thực trạng tích hợp giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới ở một số trường THPT thuộc tỉnh Trà Vinh, để từ đó đưa ra những biện pháp tích hợp giáo dục thiết thực nhất cho các em, giúp các em có thể chủ động bảo vệ sức khỏe bản thân và tuyên truyền cho những người xung quanh.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu

Một nghiên cứu cắt ngang được tiến hành vào tháng 2 năm 2018.

Học sinh và giáo viên được chọn theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và được giải thích rõ mục tiêu của nghiên cứu.

Điều tra được thực hiện trên 198 học sinh khối 11 (17 tuổi) thuộc 3 trường THPT: 87 học sinh trường THPT Hòa Lợi, huyện Châu Thành, 73 học sinh trường THPT Hòa Minh, huyện Châu Thành, và 38 học sinh trường THPT Bùi Hữu Nghĩa, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh.

Đồng thời, nghiên cứu cũng tiến hành điều tra 30 giáo viên dạy Sinh học thuộc 14 trường THPT tỉnh Trà Vinh, số lượng giáo viên cụ thể của từng trường được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Số lượng giáo viên tham gia nghiên cứu

Huyện/ Thành phố	Trường	Số lượng	Huyện/ Thành phố	Trường	Số lượng
Thành phố	THPT DTNT Trà Vinh	2	Huyện	THPT Dương Quang Đông	3

Trà Vinh	THPT Tp. Trà Vinh	2	Cầu Ngang	THPT Cầu Ngang B	1
	THPT Phạm Thái Bường	2	Huyện Càng Long	THPT Hồ Thị Nhâm	1
	Chuyên Ng. Thiện Thành	1		THPT Bùi Hữu Nghĩa	3
Huyện Châu Thành	THPT Vũ Đình Liệu	4		THPT Nguyễn Đăng	4
	THPT Hòa Lợi	3	Huyện Tiểu Cần	THPT Hiếu Tử	1
	THPT Hòa Minh	2	Huyện Trà Cú	PTDT nội trú Trà Cú	1

2.1.2. Bộ câu hỏi điều tra

- Sử dụng bộ câu hỏi điều tra gồm 12 câu hỏi dùng cho học sinh gồm: các chủ đề các em đã được học, các chủ đề em mong muốn được học, mức độ hứng thú của em về chủ đề giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới, tự đánh giá mức độ hiểu biết của các kiến thức liên quan đến giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới, mức độ tham gia các hoạt động ngoại khóa về giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới.

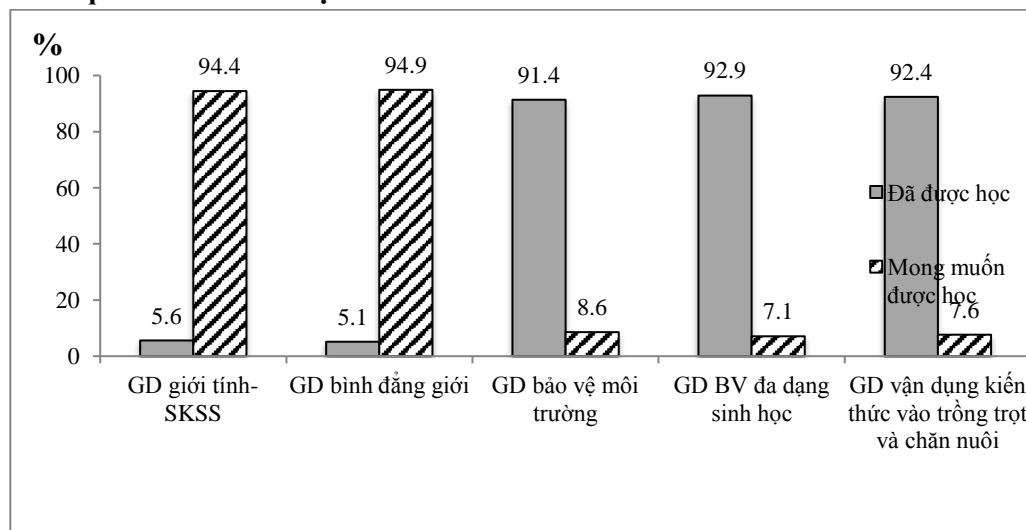
- Sử dụng bộ câu hỏi gồm 12 câu hỏi điều tra dùng cho giáo viên gồm các chủ đề đã tích hợp và sẽ tích hợp trong giảng dạy Sinh học, mức độ tổ chức các hoạt động ngoại khóa về giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới, đánh giá mức độ cần thiết của tích hợp các kiến thức giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới trong dạy học.

2.1.3. Phương pháp xử lý số liệu

Dữ liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS phiên bản 16.0. Các biến phân hạng được trình bày dưới dạng tỉ lệ phần trăm và sử dụng kiểm định Chi-square để kiểm tra mức độ sai khác.

2.2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.2.1. Kết quả điều tra trên học sinh



Hình 1. Các chủ đề học sinh đã được học và mong muốn được học

* Học sinh ở Trà Vinh chưa được tìm hiểu và mong muốn tìm hiểu về chủ đề giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới

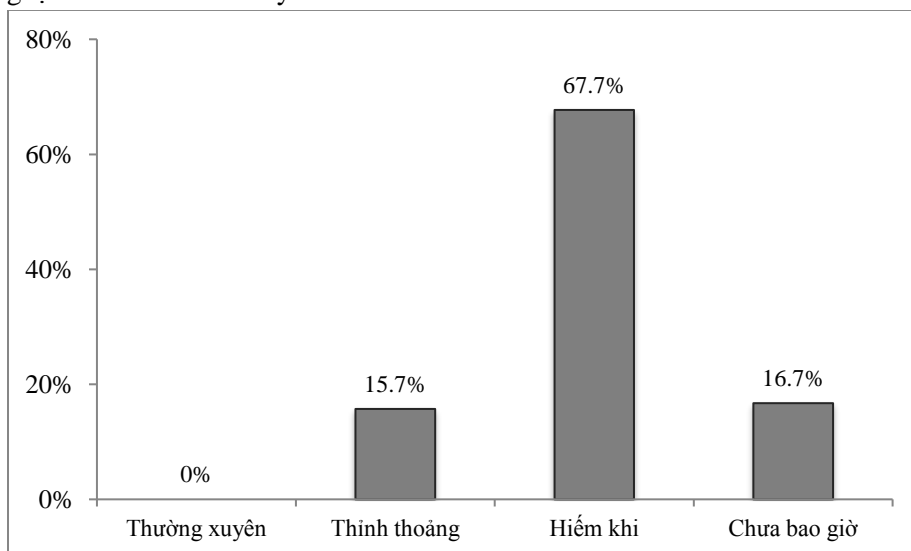
Kết quả điều tra trên 198 học sinh thể hiện ở Hình 1.

Kết quả ở Hình 1 cho thấy tỉ lệ học sinh đã được học các chủ đề giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục bảo vệ sự đa dạng sinh học, giáo dục vận dụng kiến thức vào trồng trọt và chăn nuôi rất cao, lần lượt là 91,4%, 92,9% và 92,4%.

Trong khi đó, rất ít học sinh đã được học chủ đề giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới chỉ chiếm 5,6% và 5,1% tương ứng. Do vậy, học sinh rất mong muốn được tìm hiểu các chủ đề này (94,4% và 94,9%). Việc giáo dục sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới trong nhà trường là thiết thực, thuận lợi và hiệu quả nhất. Trường học là một trong những môi trường phù hợp nhất cho giáo dục sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới vì trường học là nơi giáo dục học sinh ngay từ những năm đầu đời, đặc biệt là ở tuổi dậy thì [12, 13]. Do đó, các chương trình giáo dục sức khỏe sinh sản trong trường học sẽ cung cấp cho vị thành niên thông tin và kỹ năng cần thiết, giúp các em có thể đưa ra quyết định có trách nhiệm về vấn đề tình dục trong tương lai [14, 15]. Tuy nhiên, trên thực tế, ở Việt Nam hiện nay, nguồn thông tin liên quan đến vấn đề giáo dục sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới do nhà trường cung cấp còn rất hạn chế nên phần lớn các em tự thu thập thông tin từ Internet và các phương tiện thông tin đại chúng. Việc tự tìm hiểu các thông tin liên quan đến sức khỏe sinh sản qua internet có thể dẫn đến nhiều nhận thức sai lệch về vấn đề này.

* Học sinh ở Trà Vinh hầu như không được tham gia các buổi ngoại khoá về giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới

Mức độ các em được tham gia các buổi ngoại khoá về giáo dục sức khỏe sinh sản được thể hiện qua Hình 2. Phần lớn học sinh (67,7%) hiếm khi được tham gia và 16,7% chưa từng tham gia các buổi ngoại khoá về vấn đề này.

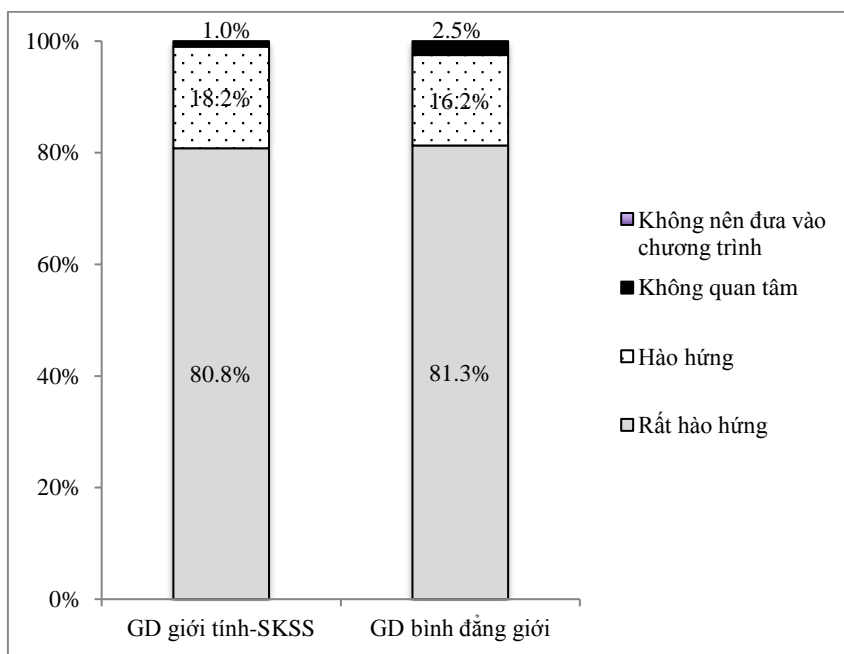


Hình 2. Mức độ tham gia các buổi ngoại khoá về giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới

* Học sinh ở Trà Vinh hào hứng với chủ đề giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới

Kết quả điều tra mức độ hào hứng với 2 chủ đề trên được thể hiện qua Hình 3. Có 80,8% học sinh rất hào hứng khi tìm hiểu về chủ đề giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và có 81,3% học sinh rất hào hứng khi tìm hiểu về chủ đề giáo dục bình đẳng giới.

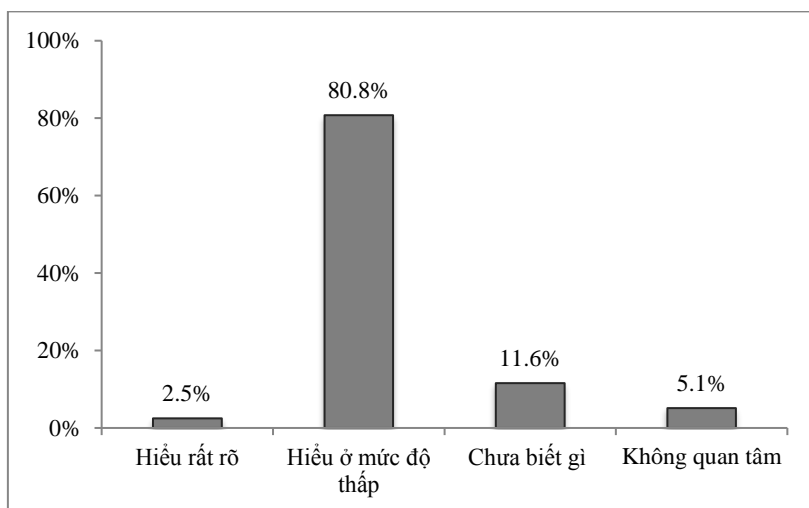
Không có học sinh nào cho rằng không nên đưa hai chủ đề này vào chương trình. Chỉ có 1% học sinh không quan tâm đến giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và 2,5% học sinh không quan tâm đến giáo dục bình đẳng giới.



Hình 3. Mức độ hào hứng của học sinh với chủ đề giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới

* Học sinh ở Trà Vinh tự đánh giá mức độ hiểu biết của mình về sức khỏe sinh sản còn thấp

Hình 4 cho thấy có tới 80,8% học sinh tự thấy rằng hiểu biết về sức khỏe sinh sản ở mức độ thấp.



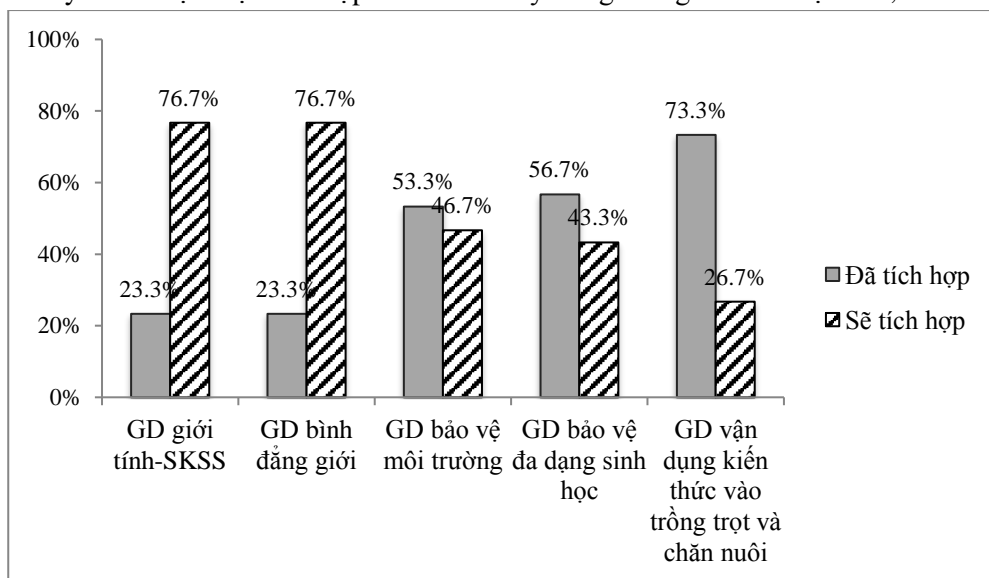
Hình 4. Tự đánh giá mức độ hiểu biết của học sinh về sức khỏe sinh sản

Từ bảng kết quả cho thấy phần lớn học sinh tỉnh Trà Vinh còn hiểu ở mức độ thấp các kiến thức về sinh sản nên việc tích hợp giáo dục các chủ đề này vào giảng dạy kiến thức khoa học là rất cần thiết.

2.2.2. Kết quả điều tra giáo viên

** Những chủ đề đã tích hợp và sẽ tích hợp của giáo viên dạy Sinh học tại Trà Vinh*

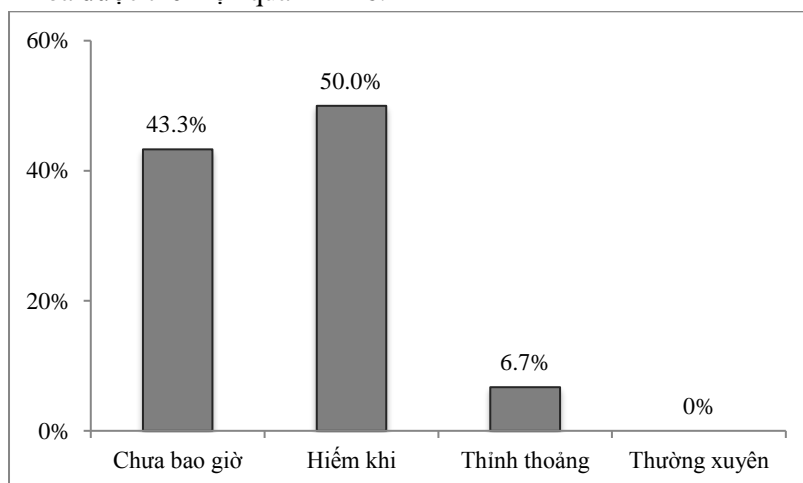
Kết quả điều tra trên 30 giáo viên các trường THPT trong tỉnh Trà Vinh được thể hiện qua Hình 5. Phần lớn giáo viên tích hợp các chủ đề giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục bảo vệ đa dạng sinh học hoặc giáo dục vận dụng kiến thức vào trồng trọt và chăn nuôi trong quá trình dạy học môn Sinh học. Chỉ có 23,3% giáo viên đã tích hợp chủ đề giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới. Tuy nhiên, đa phần giáo viên nhận thấy tầm quan trọng của việc tích hợp hai chủ đề này và sẽ thực hiện tích hợp hai chủ đề này trong tương lai với tỉ lệ là 76,7%.



Hình 5. Tỉ lệ các chủ đề đã tích hợp và sẽ tích hợp trong dạy học của giáo viên tại Trà Vinh

** Phần lớn giáo viên ở Trà Vinh chưa và hiếm khi tổ chức các hoạt động ngoại khóa về giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới*

Kết quả điều tra trên 30 giáo viên dạy sinh học của tỉnh Trà Vinh về mức độ tổ chức các hoạt động ngoại khóa được thể hiện qua Hình 6.

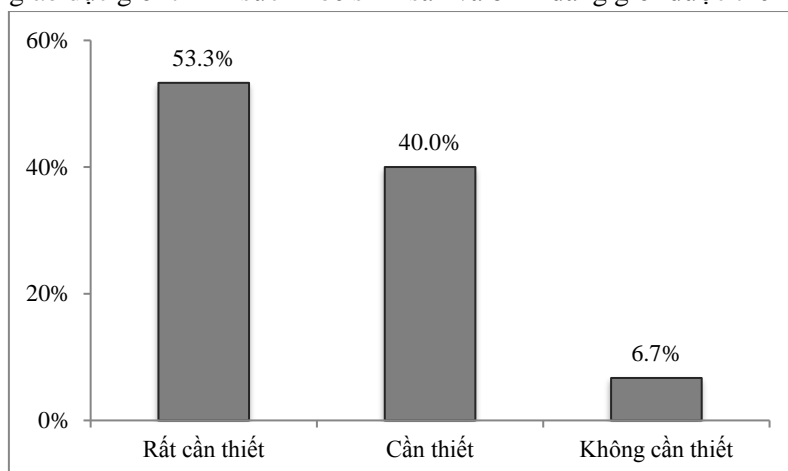


Hình 6. Mức độ tổ chức các hoạt động ngoại khóa của giáo viên về giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới

Hình 6 cho thấy tỉ lệ giáo viên hiếm khi và chưa bao giờ tổ chức các hoạt động ngoại khoá về chủ đề giáo dục giới tính - sức khoẻ sinh sản và bình đẳng giới chiếm tỉ lệ cao, lần lượt là 43,3% và 50%. Việc tổ chức các hoạt động ngoại khoá để tích hợp giáo dục giới tính - sức khoẻ sinh sản, giáo dục bình đẳng giới cho học sinh là vô cùng cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay việc thực hiện những vấn đề này của các giáo viên trong tỉnh Trà Vinh còn hạn chế vì nhiều lí do khách quan khác nhau. Vì vậy, việc đẩy mạnh thực hiện tổ chức các hoạt động này trong tương lai cần được chú trọng phát huy để tạo điều kiện cho các em tăng thêm kiến thức về sức khoẻ sinh sản, giúp các em có thêm tự tin để thổ lộ những tâm sự thầm kín của mình.

** Giáo viên ở Trà Vinh cho rằng tích hợp giáo dục giới tính - sức khoẻ sinh sản và bình đẳng giới trong giảng dạy Sinh học là cần thiết*

Kết quả điều tra 30 giáo viên của các trường THPT trong tỉnh Trà Vinh về mức độ cần thiết của tích hợp giáo dục giới tính - sức khoẻ sinh sản và bình đẳng giới được thể hiện qua Hình 7.



Hình 7. Đánh giá của giáo viên về mức độ cần thiết của tích hợp giáo dục giới tính - sức khoẻ sinh sản và bình đẳng giới

Có 53,3% giáo viên cho rằng việc tích hợp giáo dục giới tính - sức khoẻ sinh sản và bình đẳng giới là rất cần thiết, chỉ có 6,7% giáo viên cho rằng việc tích hợp này là không cần thiết.

Theo bà Phan Thị Lê Mai, cán bộ Quỹ Dân số Liên Hợp Quốc tại Việt Nam cho biết, theo điều quốc gia trên 9.768 thanh thiếu niên trong độ tuổi 10 - 24 ở 8 tỉnh và thành phố cho thấy thanh thiếu niên còn thiếu kiến thức và thực hành về chăm sóc sức khoẻ sinh sản. Có 7,8% vị thành niên, thanh niên trong độ tuổi từ 15 - 18 đã quan hệ tình dục trước 15 tuổi và chỉ có 54% thanh thiếu niên có sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ đầu tiên. Tỉ lệ sử dụng biện pháp tránh thai không liên tục là 40,5% trong đó 10,4% là do thất bại của biện pháp tránh thai [16].

Thống kê của Bộ Y tế cho thấy tỉ lệ nạo phá thai những năm gần đây ở độ tuổi vị thành niên không ngừng gia tăng. Mỗi năm cả nước có khoảng 1,2 - 1,6 triệu ca nạo phá thai, trong đó 20% ở lứa tuổi vị thành niên và khoảng 15 - 20% là thanh niên chưa lập gia đình. Số thanh niên có quan hệ tình dục trước hôn nhân tăng, tuổi trung bình quan hệ tình dục lần đầu cũng đã giảm xuống ở mức 18,1 tuổi [13].

Vì vậy cần tiếp tục thực hiện những nghiên cứu tiếp theo để có thêm dữ liệu, làm cơ sở đưa ra các phương pháp giáo dục phù hợp với lứa tuổi vị thành niên, giúp các em có hiểu biết đúng đắn về sức khoẻ sinh sản, bình đẳng giới và biết cách bảo vệ sức khoẻ cho bản thân và trợ giúp những người xung quanh.

3. Kết luận

Thực trạng tích hợp giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới tại các trường THPT tỉnh Trà Vinh còn chưa thường xuyên. Trong khi đó, giáo dục giới tính - sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới là vấn đề đang được sự quan tâm của đa số học sinh. Tỷ lệ học sinh đã được học các chủ đề giáo dục giới tính và bình đẳng giới còn thấp, lần lượt là 5,6% và 5,1%. 80,8% học sinh tự đánh giá hiểu biết của mình về sức khỏe sinh sản và bình đẳng giới còn thấp. Chỉ có 7 giáo viên (chiếm 23,3%) đã tích hợp nội dung giáo dục giới tính và bình đẳng giới trong giảng dạy trong khi hầu như toàn bộ học sinh rất mong muốn được tìm hiểu về hai chủ đề này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Goldenring, J., 2004. *Puberty and adolescence. A Review provided by VeriMed Healthcare Network*. Medline plus US National library of Medicine.Guidelines on Reproductive Health.
- [2] New York: United Nations Population Information Network (popin); 1995. UNFPA.
- [3] Bruce J and Clark S. 2003. *Including Married Adolescents in Adolescent Reproductive Health and HIV/AIDS Policy*, presented at WHO/UNFPA/ Population Council Technical Consultation on Married Adolescents, Geneva.
- [4] Government of India, New Delhi. National Family Health Survey (NFHS-3)2005-06. 2007
- [5] Finer, L. B., & Zolna, M. R., 2011. *Unintended pregnancy in the United States: incidence and disparities, 2006*. *Contraception*, 84(5), 478-485.
- [6] Vụ Sức khỏe bà mẹ và trẻ em, Bộ Y tế, năm 2015
- [7] Nguyễn Thị Hồng Hạnh, Dương Thị Anh Đào, Lê Thị Tuyết, Nguyễn Thị Trung Thu, 2017. *Tình hình giảng dạy và tích hợp nội dung bình đẳng giới cho sinh viên Khoa Sinh học - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Thông tin Phụ nữ và Bình đẳng giới - Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. Nhà xuất bản Phụ nữ, 53-58.
- [8] Báo cáo đánh giá thực trạng giới bình đẳng giới ở Việt Nam,, 2004. Hội LHPNVN.
- [9] Hà Khánh Linh, 2014. *Bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay - thành tựu và những thách thức*, Viện Xã hội học và Tâm lý LĐQL.
- [10] Nghiên cứu Quốc gia về Bạo lực Gia đình đối với phụ nữ ở Việt Nam, 2010. Tổng cục thống kê.
- [11] Trần Thị Chiên, 2015. *Phụ nữ tham gia lãnh đạo ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, số 7(92):71-76.
- [12] Nguyen Thi Hong Hanh, Duong Thi Anh Dao, Le Thi Tuyet, Nguyen Thi Trung Thu, Nguyen Phuc Hung, 2014. “*Knowledge and personal opinions of secondary school biology teachers in Ha Noi and Dien Bien about reproductive health*”, *Journal of Science of HNUE*, No.9, pp. 3 – 10.
- [13] Bộ Y tế và Tổng cục DS – KHHGD, 2010. Điều tra quốc gia về vị thành niên, thanh niên SAVY 2, Hà Nội.
- [14] Bộ Y tế – Tổng cục DS/KHHGD, 2009. *Những điều giáo viên cần biết để giáo dục kỹ năng sống và sức khỏe sinh sản vị thành niên*, Hà Nội.

- [15] Bộ Y tế – Tổng cục DS/KHHGD, 2009. *Những điều cha mẹ cần biết để giáo dục kỹ năng sống và sức khỏe sinh sản vị thành niên*, Hà Nội.
- [16] Quỹ Dân số Liên hợp quốc tại Việt Nam (UNFPA), 2010. *Chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên, thanh niên vì tương lai giống nòi*.

ABSTRACT

Integration of reproductive health and gender equality education in some high schools in Tra Vinh

Le Thi Huynh¹ and Nguyen Thi Hong Hanh^{2*}

¹ Hoa Loi High School, Chau Thanh District, Tra Vinh Province

² Faculty of Biology, Hanoi National University of Education

Reproductive health and gender equality education for students in rural areas, especially in especially difficult economic areas are still limited. The objective of this study was to determine the status of integrating reproductive health and gender equality issues in some high schools in Tra Vinh province. The study was conducted on 198 students (17 years old) randomly selected from 3 high schools and 30 teachers from 14 high schools in Tra Vinh province. Two sets of questionnaires, each of which consists of 12 questions that were designed for students and teachers to be used to assess the status of integrating reproductive health and gender equality education. Data were analyzed by SPSS software version 16.0. The results of the study showed that the percentage of students who have been learning reproductive health and gender equality topics was still low, 5.6% and 5.1%, respectively. 80.8% of students had self-assessed knowledge of reproductive health and gender equality, which was still low. Only 7 teachers (23.3%) have integrated the content of reproductive health education and gender equality in teaching. Meanwhile, reproductive health and gender equality were the issues of great concern for high school students in Tra Vinh. 94.4% and 94.9% of students were eager to learn about these two topics. 93.3% of teachers agreed that integrating reproductive health and gender equality when teaching biology is necessary. Thus, the situation of integrating reproductive health and gender equality in some high schools in Tra Vinh province was still limited while students were very interested in these topics so the implementation of integration reproductive health and gender equality in teaching for students in Tra Vinh is necessary.

Keywords: Integration, sex education, reproductive health, gender equality, Tra Vinh.